

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM KHUYẾN NGHỊ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH THAM GIA ĐẤU GIÁ. BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY CHỈ MANG TÍNH THAM KHẢO.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 07 năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 09 năm 2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VÀ CƠ KHÍ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HẢI PHÒNG RA CÔNG CHỨNG

TỔ CHỨC CHÀO BÁN:

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC



SCIC

Địa chỉ: Số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 046 278 0126 Fax: 046 278 0136

Website: www.scic.vn

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ:

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI



HANOI STOCK EXCHANGE
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 043 941 2626 Fax: 043 936 0750

Website: www.hnx.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM



Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội

Điện thoại: 043 573 0073 Fax: 043 573 0088

Website: www.ivs.com.vn

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101992921 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 07 năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 09 năm 2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VÀ CƠ KHÍ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HẢI PHÒNG RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá bán:	6.300 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán:	6.194.000 (Sáu triệu một trăm chín mươi tư nghìn) cổ phần
Tổng giá trị chào bán (Tính theo mệnh giá):	61.940.000.000 (Sáu mươi một tỷ chín trăm bốn mươi nghìn) đồng
Hình thức chào bán:	Đấu giá trọn lô cổ phần qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT (NTV)**

Địa chỉ:	Phòng 804 Tòa nhà 187, 187 Nguyễn Lương Bằng, Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại:	(84-04) 3761 3399
Fax:	(84-04) 3761 5599

TỔ CHỨC TƯ VẤN:**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

Địa chỉ:	Tầng 1, Tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội
Điện thoại:	(84-04) 3573 0073
Fax:	(84-04) 3573 0088

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÒA BÁN.....	7
1. Rủi ro về kinh tế:	7
2. Rủi ro về pháp luật.....	9
3. Rủi ro đặc thù:	9
4. Rủi ro của đợt chào bán:	9
5. Rủi ro khác:	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	10
1. Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước:.....	100
2. Công ty cổ phần thép và cơ khí vật liệu xây dựng Hải Phòng.....	10
2. Tổ chức tư vấn.....	10
III. CÁC KHÁI NIỆM	11
IV. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU.....	111
V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN. 12	
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:.....	12
2. Giới thiệu Công ty.....	13
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty:	13
3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý:.....	133
3.2. Diễn giải sơ đồ:	14
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, cơ cấu cổ đông của Công ty thời điểm 31/12/2014:	155
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty thời điểm 31/12/2014:	15
4.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty thời điểm 31/12/2014:	15
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Không	15
6. Hoạt động kinh doanh:	155
6.1. Sản phẩm chính của Công ty:.....	15
6.2. Sản lượng sản phẩm qua các năm:	16
6.3. Nguyên vật liệu:	16

6.4. Cơ cấu doanh thu.....	16
6.5. Cơ cấu chi phí:	16
6.6. Trình độ công nghệ:	17
6.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:.....	17
6.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm:	17
6.9. Hoạt động Marketing:.....	17
6.10. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:	17
6.11. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:	18
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất:	18
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty trong 3 năm gần nhất:	18
7.2. Nhân tố ảnh hưởng đến SXKD của Công ty năm báo cáo.....	19
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:.....	20
9. Chính sách đối với người lao động:	20
9.1. Cơ cấu lao động trong công ty tại thời điểm 31/12/2014	20
9.2. Chính sách đối với người lao động:	21
10. Chính sách cổ tức:	21
11. Tình hình tài chính:	21
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản:	21
11.1.1. Tình hình trích khấu hao TSCĐ:	21
11.1.2. Mức lương bình quân:	22
11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:.....	22
11.1.4. Các khoản phải nộp theo quy định tại thời điểm 31/12/2014:.....	22
11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định:	23
11.1.6. Tổng dư nợ vay của Công ty:	23
11.1.7. Tình hình công nợ hiện nay:.....	24
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:.....	25
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:	26
12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:.....	26
12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:.....	28
12.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc:	30

12.4. Kế toán trưởng:.....	30
13. Tài sản:.....	32
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo:	33
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:.....	33
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức có cổ phiếu được chào bán: Không có.....	34
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán: Không có.	34
18. Ý kiến loại trừ của kiểm toán	33
VI. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	35
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.....	35
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu	35
3. Tổng số cổ phiếu dự chào bán: 6.194.000 cổ phiếu	35
4. Giá chào bán dự kiến: 6.300 đồng/cổ phiếu.....	35
5. Phương thức phân phối:.....	35
6. Thời gian phân phối cổ phiếu:.....	35
7. Đăng ký mua cổ phiếu:.....	35
8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	35
9. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: Không có.....	35
10. Các loại thuế có liên quan:	35
VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	35
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	35
IX. BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC NÀY	36

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về Ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 242/2009/TT-BTC ngày 30/12/2009 của Bộ tài chính về Hướng dẫn thi hành một số điều của Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 05/08/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 05/6/2015 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành Quy chế mẫu thí điểm bán đấu giá cả lô cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước thực hiện tại Sở giao dịch chứng khoán.

Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-ĐTKDV ngày 22/06/2015 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu xây dựng Hải Phòng.

Căn cứ Công văn số 1683/ĐTKDV-QLVĐT1 ngày 22/06/2015 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về đấu giá phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu xây dựng Hải Phòng.

Căn cứ Hợp đồng Dịch vụ tư vấn và tổ chức bán đấu giá cổ phần số 1031/2010/VNS/HĐ-TV ngày 05 tháng 11 năm 2010 được ký kết giữa Công ty cổ phần chứng khoán VNS (Nay đổi tên: Công ty cổ phần chứng khoán đầu tư Việt Nam) và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) tư vấn bán đấu giá phần vốn của SCIC tại Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu xây dựng Hải Phòng;

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Rủi ro về kinh tế:

Rủi ro về kinh tế là một loại rủi ro hệ thống có tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, thông qua các cơ chế tác động đến tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất ngân hàng và tỷ giá hối đoái. Để hạn chế rủi ro về kinh tế, việc xem xét các thay đổi trong cơ chế vận hành và khả năng tăng trưởng của nền kinh tế nói chung có ý nghĩa rất quan trọng giúp việc đánh giá và dự báo tình hình kinh doanh của công ty, đồng thời tiên liệu và chuẩn bị trước các tình huống ứng phó cho sự thay đổi bất lợi có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty.

a) Tăng trưởng Kinh tế và lạm phát

Tăng trưởng kinh tế ổn định ở mức cao thường đồng nghĩa với kết quả kinh doanh lạc quan của các chủ thể tham gia nền kinh tế trong đó có hệ thống các doanh nghiệp, đồng nghĩa với việc các nguồn vốn đầu tư trực tiếp cũng như gián tiếp chảy vào thị trường. Bên cạnh đó, tăng trưởng kinh tế là nhân tố kích thích sự tăng trưởng của hoạt động xuất nhập khẩu. Cụ thể năm 2014, Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 150 tỷ USD, tăng 13,6% so với năm 2013 đồng thời vượt xa mục tiêu đề ra; tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 148 tỷ USD, tăng 12,1% so với năm 2013. Hoạt động nhập khẩu không những được gia tăng chậm hơn mà còn được kiểm soát, tập trung vào nhóm hàng vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất.

GDP năm 2014 ước tính tăng 5,98%, vượt mục tiêu tăng trưởng đề ra so với năm 2013 là 5,8% của Quốc hội và dự báo của nhiều tổ chức trong nước và quốc tế. Năm 2014 GDP phục hồi tích cực với tốc độ tăng dần qua các quý. Cụ thể GDP quý I tăng 5,06%; quý II tăng 5,34%; quý III tăng 6,07%; quý IV tăng mạnh 6,96%. Lạm phát năm 2014 là thấp nhất trong 13 năm kể từ năm 2001 khi chỉ tăng 1,84% so với cùng kỳ. Năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng bình quân mỗi tháng tăng khoảng 0,15%, CPI tăng mạnh nhất trong quý I và quý III và thấp nhất (âm) trong quý IV. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2015 ước tính tăng 6,28% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,36%, đóng góp 0,42 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,09%, đóng góp 2,98 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,90%, đóng góp 2,22 điểm phần trăm.

Năm 2014 là một năm thành công của Việt Nam trong việc thu hút đầu tư nước ngoài. Cụ thể, tổng giá trị vốn FDI giải ngân trong năm 2014 đạt 12,4 tỷ USD, tăng 7,4% so với năm trước và cao hơn 2,9% so với kế hoạch. Tổng vốn FDI đăng ký đầu tư vào Việt Nam ước tính đạt 20,23 tỷ USD trong 2014, dù chỉ bằng 93,5% so với cùng kỳ năm 2013 nhưng cao hơn 19% so với kế hoạch (17 tỷ USD). Xét về những khía cạnh còn tồn tại, chúng ta thấy rằng cán cân thương mại thiếu sự ổn định. Việc tăng nguồn vốn FDI đã làm tăng hoạt động xuất khẩu, tuy nhiên điều này không hoàn toàn là tốt khi mà xuất khẩu trong nước bị phụ thuộc rất lớn vào xuất khẩu của FDI, tỷ trọng xuất khẩu của khu vực FDI trong tổng kim ngạch xuất khẩu của nước ta là rất lớn và không ngừng gia tăng (năm 2014: 67,7%; năm 2013: 61,4%; năm 2012: 63,1%). Trong khi đó nhập siêu khu vực trong nước đạt 15,1 tỷ USD, tăng 7,8% so với mức nhập siêu 14 tỷ USD năm 2013. Trong tháng 6/2015, vốn FDI đăng ký mới và cấp bổ sung là 1,19 tỷ USD, đưa tổng giá trị đăng ký mới và cấp bổ sung lên 5,49 tỷ USD kể từ đầu năm, tương đương với 80,2% cùng kỳ

năm 2014. Trong đó, vốn FDI đăng ký mới là 3,83 tỷ USD tính từ đầu năm 2015, tương đương 79% cùng kỳ 2014; vốn FDI cấp bổ sung là 1,65 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2015, tương đương 83% cùng kỳ năm 2014.

Tổng quan tình hình kinh tế Việt Nam năm 2014 là ổn định và phát triển với tăng trưởng GDP vượt mức dự kiến, các chỉ số sản xuất và phát triển doanh nghiệp vững mạnh, lạm phát thấp, giải ngân FDI cao nhất trong vòng 5 năm.

Riêng với Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu xây dựng Hải Phòng, việc tình hình kinh tế trong năm 2014 và các dự báo trong năm 2015 khá quan là một cơ hội rất lớn cho công ty.

b) Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu nói riêng.

Đối với các doanh nghiệp kinh doanh thông thường, rủi ro lãi suất xảy ra khi lãi suất thị trường tăng, làm tăng chi phí hoạt động và giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp. Riêng đối với hệ thống các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng, rủi ro lãi suất còn có thể xuất hiện ngay cả khi lãi suất thị trường tăng/giảm đột ngột ngoài dự tính. Đối với các công ty xuất nhập khẩu lãi suất tác động gián tiếp thông qua tác động đến tỷ giá hối đoái và tác động trực tiếp khi tham gia thị trường với tư cách là một nhà đầu tư chứng khoán, khi lãi suất tăng sẽ bị rủi ro vì giá cổ phần sụt giảm do tác động kép từ hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp giảm và dòng vốn vào thị trường chứng khoán giảm sút.

Xu hướng chủ chốt của lãi suất trong năm 2014 là giảm dần về cuối năm. Tựu chung, mặt bằng lãi suất giảm 1,5-2%/ năm so với cuối năm 2013, phù hợp với mục tiêu mà NHNN đề ra đầu năm, qua đó hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời duy trì được mục tiêu kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tỷ giá và ổn định kinh tế vĩ mô. Đây đồng thời là điểm sáng trong điều hành chính sách trung và dài hạn của NHNN bởi kết quả trên nối tiếp chuỗi ổn định và giảm về lãi suất trong 3 năm liên tiếp, qua đó củng cố niềm tin đồng thời khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế. Mặt bằng lãi suất cho vay trong tháng 6 đầu năm 2015 nhìn chung khá ổn định, không có nhiều thay đổi so với tháng trước. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 7- 9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3 -11%/năm đối với trung và dài hạn. Đối với các lĩnh vực ưu tiên, mặt bằng lãi suất phổ biến ở mức 6-7%/năm đối với ngắn hạn và 9-10%/năm cho trung và dài hạn. Lãi suất cho vay USD không đổi, ở mức quanh 3 – 5,5% trong ngắn hạn và 5,5 – 6,7% trung và dài hạn.

c) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Hoạt động kinh doanh của các công ty xuất nhập khẩu nói chung và công ty cổ phần xuất nhập khẩu nói riêng chịu sự tác động trực tiếp từ việc biến động tỷ giá. Khi tỷ giá hối đoái biến động nó sẽ tác động đến kim ngạch xuất nhập khẩu, đến cơ cấu hàng hóa nhập khẩu và tính cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu.

Tỷ giá hối đoái tác động đáng kể đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán thông qua việc

tác động tới các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cán cân thanh toán và sự di chuyển của các nguồn vốn đầu tư. Theo cơ chế quản lý hiện tại, tỷ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước.

Sự ổn định của thị trường ngoại hối trong năm 2014 tiếp tục là một trong những điểm sáng trong chính sách điều hành của NHNN. Về cơ bản, biên độ dao động của tỷ giá USD/VND trong 2014 và 6 tháng đầu năm 2015 được co hẹp và duy trì ổn định hơn rất nhiều, nhu cầu ngoại tệ của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời. Nhìn rộng hơn, cam kết về việc bình ổn thị trường ngoại hối trong suốt 3 năm nay được hiện thực hóa theo sát với lộ trình mà Thống đốc đưa ra (phá giá 1% thấp hơn mức 1,47 – 2% tuyên bố trong 2013 và phá giá 1% thấp hơn mức tuyên bố 2-3% năm 2013). Niềm tin vào VND theo đó được củng cố, hạ tỷ lệ đô la hóa nền kinh tế (từ 12,4% cuối 2013 xuống 11,6% cuối 2014), giúp Việt Nam trở nên hấp dẫn hơn trong mắt nhà đầu tư quốc tế, đồng thời tạo điều kiện gia tăng dự trữ ngoại hối. Tuy nhiên việc Đồng USD mạnh lên do kinh tế Mỹ phục hồi có thể gây sức ép lên tỷ giá.

2. **Rủi ro về pháp luật:**

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyên đổi sang hình thức công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng phải chịu sự chi phối của Pháp luật và các chính sách của Nhà nước, cụ thể:

- Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành.
- Các văn bản Pháp luật cũng như chính sách liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động cũng như chiến lược phát triển của Công ty.

Các văn bản trên đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn và các thông lệ quốc tế, theo đó mọi sự thay đổi các quy định Pháp luật trên sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty.

3. **Rủi ro đặc thù:**

Rủi ro cạnh tranh:

Tham gia vào sản xuất kinh doanh thép và vật liệu xây dựng, Công ty chịu sự cạnh tranh gay gắt của của các công ty trong và ngoài nước, thị trường cạnh tranh thiếu lành mạnh. Thị trường tiêu thụ không ổn định, giá cả phôi thép nhập khẩu và trong nước biến động mạnh, giá các nguyên vật liệu cũng biến động bất thường, khiến giá cả diễn biến khó lường. Sự thay đổi trong các chính sách của Nhà nước. Bên cạnh đó là sự cạnh tranh mạnh mẽ về trình độ công nghệ, uy tín, mối quan hệ khách hàng và bạn hàng đều ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng tăng giá. Do đó, việc gia tăng chi phí đầu vào sẽ ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của sản phẩm của Công ty trên thị trường cũng như ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD nói chung.

4. **Rủi ro của đợt chào bán:**

Công ty chào bán cổ phần trong giai đoạn thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi; Rủi ro từ đợt chào bán là số cổ phần chào bán có thể không được đăng ký mua hết.

Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư có xu hướng đầu tư dài hạn, nghiên cứu sâu về hoạt động kinh doanh của Công ty thì sẽ có nhận định hợp lý về giá trị cổ phiếu của Công ty.

5. Rủi ro khác:

Lô đất của Công ty đang sử dụng sẽ bị thu hồi để phục vụ dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị xi măng Hải Phòng.

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra, chúng có thể ảnh hưởng và gây thiệt hại cho tài sản, con người, công trình thi công và tình hình hoạt động chung của Công ty.

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức thực hiện chào bán: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước:

Bà Nhữ Thị Hồng Liên Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Quyết định số: 380/QĐ-ĐTKDV ngày 25/07/2014 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc phân công công tác và phân cấp quyết định của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và tài liệu do Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng cung cấp. Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức có cổ phiếu được chào bán: Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng

Đại diện theo Pháp luật: **Ông Nguyễn Văn Bình** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam là chính xác, trung thực và đầy đủ. Chúng

3. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần chứng khoán Đầu tư Việt Nam

Ông Đoàn Ngọc Hoàn Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng cung

cấp.

Bản công bố thông tin này chỉ mang giá trị tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình, Tổ chức tư vấn (IVS) và cổ đông bán vốn (SCIC) không có trách nhiệm nếu thông tin và tài liệu do Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng cung cấp không trung thực với thực tế hoạt động của Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng.

II. CÁC KHÁI NIỆM

Ban tổ chức đấu giá : Đại diện Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng, đại diện tổ chức tư vấn được thành lập để thực hiện việc bán đấu giá vốn của SCIC ra bên ngoài và các công việc liên quan khác.

Công ty : Công ty Cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng

CTCP : Công ty cổ phần

HDQT : Hội đồng quản trị

ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông

LNST : Lợi nhuận sau thuế

Tổ chức bán đấu giá : Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

SCIC : Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước

UBND : Ủy ban Nhân dân

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

1. Giới thiệu về tổ chức thực hiện chào bán cổ phiếu:

- Tên tổ chức đăng ký chào bán: **TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC.**
- Tên giao dịch: **STATE CAPITAL INVESTMENT CORPORATION (SCIC).**
- Vốn điều lệ: 19.000.000.000.000 (Mười chín nghìn tỷ đồng).
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 23 tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4)3 824 0703 Fax: (84-4)6 278 0136
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101992921 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 07 năm 2010, thay đổi lần thứ thứ 4 ngày 30 tháng 09 năm 2014.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và quản lý vốn đầu tư vào các lĩnh vực theo nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao; Tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh vốn.
- Sản phẩm, dịch vụ chính: Đầu tư và kinh doanh vốn vào các ngành, lĩnh vực đem lại hiệu quả kinh tế cao; Cung cấp các dịch vụ tư vấn: đầu tư, tài chính, chuyển đổi doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) được thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Với chức năng quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, sự ra đời của SCIC nằm trong tiến trình cải cách kinh tế nói chung và cải cách doanh nghiệp nhà nước nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước. SCIC là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, thực hiện đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế nhằm tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc thị trường.

Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 08 năm 2006, SCIC quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: dịch vụ tài chính, năng lượng, công nghiệp, viễn thông, xây dựng, vận tải, hàng tiêu dùng, y tế, công nghệ thông tin.

SCIC được Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển sang mô hình Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 992/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2010.

Ngày 01/11/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2013/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

3. **Mối quan hệ với Công ty có cổ phiếu được chào bán:** Cổ đông lớn.
4. **Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 89,12%.
5. **Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu:** 100%.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng (tiền thân là Xí nghiệp sửa chữa cơ khí xây dựng) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 21/10/1975. Sau khi được bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ, năm 1992, Xí nghiệp sửa chữa cơ khí xây dựng đổi tên thành Công ty Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng.

Cùng năm đó, Công ty Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng liên doanh với Công ty Gang

thép Thái Nguyên xây dựng Nhà máy Thép Hải Phòng.

Năm 1998, Chính phủ có Quyết định số 845/QĐ-TTg ngày 21/09/1998 giao toàn bộ số vốn góp liên doanh của Công ty Gang thép Thái Nguyên cho Công ty Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng quản lý và đổi tên thành Công ty Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng.

Đến tháng 10 năm 2005, Công ty chuyển thành công ty Cổ phần, đổi tên thành Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng.

2. Giới thiệu Công ty:

Tên tổ chức **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VÀ CƠ KHÍ
VẬT LIỆU XÂY DỰNG HẢI PHÒNG**

Trụ sở chính Số 118 đường Hà Nội, phường Thượng Lý, Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Điện thoại 0313 824 154

Fax 0313 525 143

Vốn điều lệ 69.500.000.000 đồng

Ngành, nghề kinh doanh

Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0203001771 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2005, Công ty Cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng kinh doanh các ngành nghề sau:

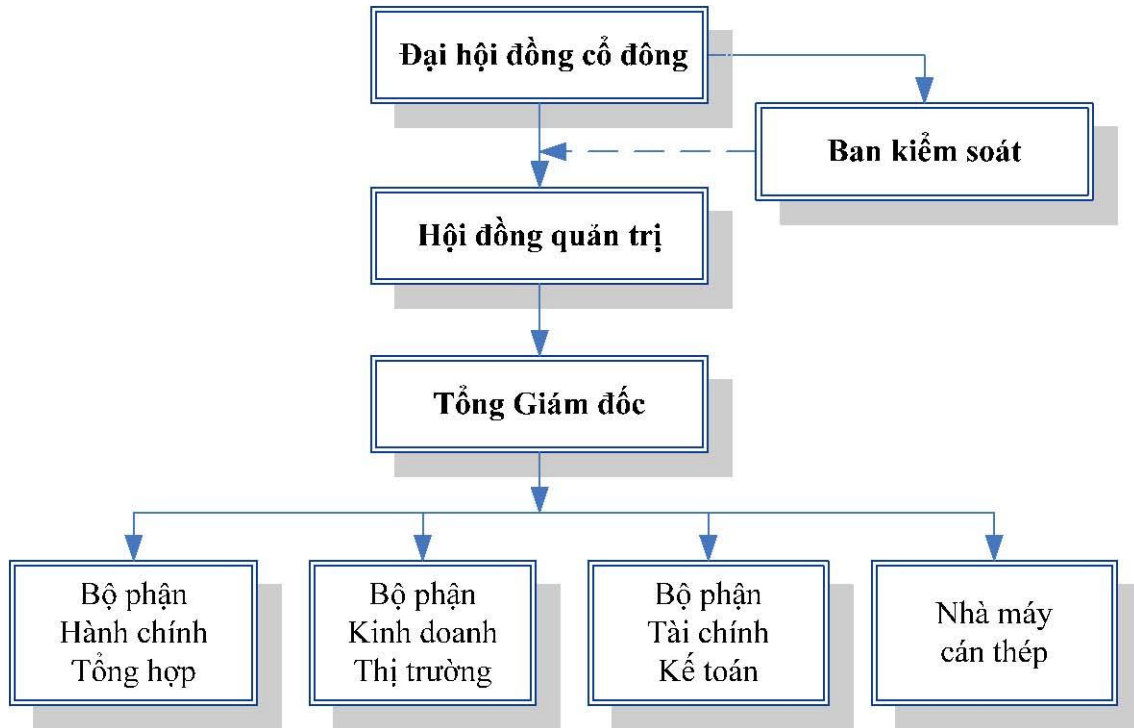
- Sản xuất, kinh doanh thép xây dựng;
- Sản xuất vật liệu, phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;
- Lắp dựng khung nhà, khung kho, cấu kiện bằng thép phục vụ công trình xây dựng;
- Kinh doanh phi thép, sắt thép phế liệu, các phụ tùng, phụ kiện phục vụ ngành nghề xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và ngành thép;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng và kinh doanh bất động sản

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý:

Hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Công ty Cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng có cơ cấu tổ chức bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và các phòng ban chức năng phục vụ hoạt động của Công ty.

Dưới đây là sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty.



(Nguồn: Công ty Cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng)

3.2. Diễn giải sơ đồ:

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông:

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là đơn vị có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- Hội đồng quản trị:

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị có 3 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm. Số lượng thành viên HĐQT có thể thay đổi tùy theo yêu cầu phát triển của Công ty và do ĐHĐCĐ quyết định.

- Ban kiểm soát:

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, gồm 3 thành viên. BKS có nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Ban Giám đốc.

- Tổng Giám đốc

- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty, tổ

chức thực hiện theo Luật doanh nghiệp và điều lệ tổ chức của Công ty.

- Trực tiếp chỉ đạo điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty cụ thể:
- Các hoạt động tài chính, đầu tư xây dựng, mở rộng, sửa chữa và nâng cấp cơ sở hạ tầng, chính sách tiền lương, tiền thưởng chính sách đối với người lao động, hoạt động giao dịch thương mại với các nhà cung cấp trong và ngoài nước.
- Chỉ đạo việc lập kế hoạch kinh doanh, ký các quyết định về định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, cơ cấu cổ đông của Công ty thời điểm 30/06/2015:

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty thời điểm 30/06/2015:

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh Vốn Nhà nước	117 Trần Duy Hưng, Hà Nội	6.194.000	89,12%
2	Công ty cổ phần Thép Việt Nhật	Km 9, Quốc lộ 5, p. Quán Toan, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng	678.700	9,77%
Tổng cộng			6.872.700	98,89%

(Nguồn: Công ty cổ phần Thép và Cơ khí VLXD Hải Phòng)

4.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty thời điểm 30/06/2015:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (Người)	Số cổ phần nắm giữ (Cp)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp (%)
I	Trong nước	29	6.950.000	100%
1	Cổ đông nhà nước	2	6.194.000	89%
2	Cổ đông trong Công ty	3	678.700	10%
3	Cổ đông ngoài Công ty	24	77.300	1%
II	Nước ngoài	0	0	0%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng cộng		29	6.950.000	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Thép và Cơ khí VLXD Hải Phòng)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Không

6. Hoạt động kinh doanh:

6.1. Sản phẩm chính của Công ty:

- Sản phẩm, dịch vụ của Công ty

Sản phẩm, dịch vụ chính đem lại doanh thu cho Công ty trước năm 2011 chủ yếu là kinh doanh thép, cho thuê mặt bằng, thu mua phế liệu. Tuy nhiên, từ năm 2011 đến nay Công ty không sản xuất kinh doanh. Hiện nay, doanh thu chủ yếu của công ty đến từ cho thuê kho bãi và nhận cổ tức từ công ty liên doanh.

6.2. Sản lượng sản phẩm qua các năm:

Công ty không tiến hành sản xuất kinh doanh trong các năm từ 2012 -2014. Đến năm 2014, toàn bộ doanh thu thuần phát sinh chỉ đến từ hoạt động cho thuê kho bãi.

6.3. Nguyên vật liệu:

Trước năm 2008, phôi thép của Công ty chủ yếu là phôi nhập khẩu và phôi thép luyện từ thép phế trong nước và ngoại nhập. Nguồn cung không ổn định về cả giá và lượng, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm và tính thích ứng với nhu cầu của thị trường.

Năm 2009, nguồn phôi cán toàn bộ mua của đối tác chiến lược (Thép Việt Nhật vừa đưa vào hoạt động) để tiến hành chạy thử dây chuyền cán thép hình. Hình thức thanh toán hợp lý (trả chậm 03 tháng) hỗ trợ phần vốn lưu động gần như không có của Công ty.

Sau đó, từ năm 2012 sau khi bán hết hàng tồn kho, Công ty không còn tiến hành sản xuất kinh doanh. Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2012 - nay đều không được ghi nhận.

6.4. Cơ cấu doanh thu:

Doanh thu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị (VNĐ)	%	Giá trị (VNĐ)	%	Giá trị (VNĐ)	%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	0,0%	-	0,0%	1.077.953.700	12,5%
Doanh thu từ hoạt động tài chính	5.923.681.148	92,2%	5.120.713.216	89,5%	6.735.700.822	78,3%
Thu nhập khác	499.026.335	7,8%	601.923.313	10,5%	794.190.632	9,2%
Tổng cộng	6.422.707.483	100%	5.722.636.529	100%	8.607.845.154	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Thép và Cơ khí VLXD Hải Phòng)

Toàn bộ doanh thu thuần của Công ty năm 2014 đến từ cho thuê mặt bằng kho bãi. Doanh thu từ hoạt động tài chính chủ yếu chiếm phần lớn doanh thu, đến từ hoạt động chia lãi cổ tức liên doanh mà công ty nhận được. Thu nhập khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, quanh mức 10%.

6.5. Cơ cấu chi phí:

Chi phí	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị (VNĐ)	%	Giá trị (VNĐ)	%	Giá trị (VNĐ)	%
Giá vốn hàng bán	-	0,0%	-	0,0%	1.063.908.208	19,1%
Chi phí tài chính	1.168.531.848	13,7%	754.633.673	12,0%	1.290.155.675	23,2%
Chi phí lãi vay	1.168.531.848	13,7%	754.633.673	12,0%	1.290.155.675	23,2%
Chi phí bán hàng	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%
Chi phí quản lý DN	3.684.767.919	43,1%	4.749.235.249	75,6%	1.450.334.220	26,0%
Chi phí khác	3.692.950.051	43,2%	781.977.327	12,4%	1.768.175.067	31,7%
Tổng cộng	8.546.249.818	100%	6.285.846.249	100%	5.572.573.170	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Thép và Cơ khí VLXD Hải Phòng)

Chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất trung bình trong 3 năm từ 2012 đến 2014 là Chi phí quản lý doanh nghiệp với mức trung bình 48,2%. Trong khi đó giá vốn hàng bán bằng 0 trong hai năm liên tiếp 2012 và 2013 do công ty không tiến hành sản xuất kinh doanh. Chi phí bán hàng cũng bằng 0 do không có hàng để bán.

6.6. Trình độ công nghệ:

Dây truyền sản xuất của Công ty là dây truyền nhập khẩu từ Đài Loan. Tuy nhiên, do nghiên cứu và đầu tư không đúng hướng, lựa chọn công nghệ không phù hợp; nên dù dây truyền có mức độ tự động hóa cao nhưng không áp dụng được do bên cung cấp thiết bị không lắp đặt bộ phận tự động; chủng loại sản phẩm nghèo nàn, sản phẩm có kích thước nhỏ, giá thành cao, tính cạnh tranh thấp; với các sản phẩm này, các dây truyền sản xuất nhỏ của các doanh nghiệp tư nhân và hộ cá thể cũng có thể sản xuất được. Hiện tại, Công ty không còn sản xuất.

6.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới: Không có

6.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm:

Trước đó, trong quá trình sản xuất, Công ty áp dụng

- Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000
- Hệ thống quản lý về môi trường: ISO 14001:1996

6.9. Hoạt động Marketing: Không có

6.10. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:

Lô gô của Công ty hiện nay đang sử dụng:



ISO 9001 : 2000

6.11. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết: *Không có*

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất:

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất:

- Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng tài sản	53.186.493.753	52.990.136.956	52.469.749.374	-0,98%
Doanh thu thuần	-	-	1.077.953.700	-
Lợi nhuận từ HĐKD	1.070.381.381	(383.155.706)	4.009.256.419	-1146,38%
Lợi nhuận khác	(3.193.923.716)	(180.054.014)	(973.984.435)	440,94%
Lợi nhuận trước thuế	(2.123.542.335)	(563.209.720)	3.035.271.984	-638,92%
Lợi nhuận sau thuế	(2.123.542.335)	(563.209.720)	3.035.271.984	-638,92%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Thép và Cơ khí VLXD Hải Phòng)

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua liên tục thua lỗ, tính đến thời điểm 31/12/2014, lỗ lũy kế là **(26.242.400.266)** đồng, do một số nguyên nhân sau:

Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống của công ty là cơ khí và vật liệu xây dựng gặp rất nhiều khó khăn do phải cạnh tranh rất gay gắt trên thị trường cũng như hoạt động của Công ty không có hiệu quả. Do vậy, Ban lãnh đạo công ty đã quyết định chuyển hướng kinh doanh sang lĩnh vực mới “Sản xuất và kinh doanh thép” với một số dự án đầu tư trọng điểm. Cụ thể, liên doanh với Công ty Gang thép Thái Nguyên xây dựng phân xưởng luyện; tự đầu tư Phân xưởng cán thép tròn, phân xưởng Ôxy; phân xưởng cán thép hình. Tuy nhiên do đầu tư không đồng bộ và khng đúng hướng phân xưởng luyện trong quá trình sản xuất thử gặp sự cố nứt lò luyện nên đã phải đóng cửa ngừng hoạt động. Phân xưởng cán thép tròn, phân xưởng ôxy hoàn thành đi vào hoạt động sau một thời gian ngắn cũng phải ngừng sản xuất do giá thành sản phẩm cao, sản xuất không hiệu quả.

Dây truyền cán thép hình được đầu tư trước khi công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tổng giá trị đầu tư gần 40 tỷ đồng. Tuy nhiên, dây truyền đầu tư thiếu đồng bộ, thiếu nhiều thiết bị, do vậy công ty đã thanh lý hợp đồng với bên B và nhận bàn giao từ tháng 4/2007. Bắt đầu từ tháng 5/2007, dây truyền cán thép hình mới chính thức

được cải tạo và đi hoạt động, do vậy không đảm bảo được công suất, hiệu suất cũng như chất lượng sản phẩm. Sản phẩm sản xuất ra không tiêu thụ được, giá bán sản phẩm có thời điểm bằng hoặc thấp hơn giá thành sản xuất. Điều này đã tác động trực tiếp tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết nhất trí 100% cho phép Công ty được bán đấu giá phân xưởng cán thép hình theo Biên bản đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 ngày 26/4/2008. Tính đến thời điểm hiện tại, dây chuyền đã ngừng hoạt động, lĩnh vực hoạt động chính của công ty đã tạm dừng sản xuất; tuy nhiên Công ty cũng chưa bán đấu giá được phân xưởng sản xuất trên.

Trong giai đoạn hai năm 2008 và năm 2009, thị trường thép trên thế giới và trong nước liên tục biến động, giá cả liên tục leo thang, đặc biệt là giá nguyên liệu đầu vào (phôi thép) liên tục tăng giá, đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc chạy thử dây chuyền cán thép hình cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tình hình tài chính của công ty thiếu lành mạnh, kinh doanh thua lỗ, mất khả năng thanh khoản, đến hết 31/12/2014 số lỗ lũy kế của công ty là **(26.242.400.266)** đồng.

- Theo BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty thì Nợ phải trả của Công ty tính đến ngày 31/12/2014 là 9.212.149.640 đồng, chiếm 17,56% tổng tài sản.

- Nguồn thu chủ yếu của công ty là cổ tức được chia từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thép VSC – POSCO, doanh thu từ cho thuê mặt bằng và doanh thu từ việc bán thứ phẩm và phế liệu còn tồn kho (năm 2011 trở về trước) không đủ bù đắp chi phí phát sinh trong kỳ (chủ yếu là chi phí khấu hao máy móc thiết bị và quỹ lương của **11 CBCNV** hiện đang làm việc tại Công ty).

- Lĩnh vực hoạt động sản xuất chính của công ty tạm dừng hoạt động, phân xưởng cán thép hình ngừng hoạt động, phần lớn CBCNV không có việc làm đã phải nghỉ việc. Công ty đã phải vay vốn của Ngân hàng phát triển để giải quyết chế độ người lao động nghỉ việc.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo:

Thuận lợi

- Sau khi chuyển sang mô hình hoạt động Công ty cổ phần, bộ máy hoạt động của Công ty gọn nhẹ và năng động hơn. HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành, Ban Kiểm soát đã tạo điều kiện thuận lợi nhất cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Cổ đông chiến lược là Công ty cổ phần Thép Việt Nhật đã có kinh nghiệm trong sản xuất thép, có thị trường tiêu thụ sản phẩm và năng lực tài chính.
- Công ty nhận được sự giúp đỡ hỗ trợ của UBND thành phố, các cấp các ngành, cấp ủy, chính quyền nơi Công ty đóng quân và Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước;

Khó khăn

- Do khó khăn chung của thị trường sản xuất kinh doanh thép trong nước cũng như trên thế giới. Mặt khác, do nguồn vốn tập trung chủ yếu vào liên doanh (42.352 triệu/69.500 triệu đồng vốn điều lệ) và đầu tư dây chuyền cán thép hình gần 40 tỷ đồng, nên toàn bộ hoạt

động sản xuất kinh doanh đều dựa vào nguồn vốn vay ngân hàng và đối tác chiến lược, chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty.

- Dây chuyền cán thép hình đầu tư gần 40 tỷ đồng không đúng hướng, không đồng bộ, tiêu hao nguyên liệu cao, quy mô, trình độ quản lý và công nghệ chưa đáp ứng được các yêu cầu của thị trường và khách hàng, vốn bị tồn đọng, dây chuyền chậm đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh nên Công ty phải chịu chi phí lãi vay rất lớn, dẫn đến thua lỗ cho Công ty.
- Sản xuất dây truyền cán thép hình cỡ nhỏ bị cạnh tranh khốc liệt, giá bán sản phẩm xấp xỉ bằng giá phôi thép nhập ngoại, sản xuất không có hiệu quả, lượng hàng tồn kho lớn chưa được giải quyết.
- Trình độ lao động và năng lực của một số cán bộ công nhân viên còn hạn chế, lao động kỹ thuật có tay nghề thiếu trầm trọng làm hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động thấp.
- Suy thoái kinh tế đã ảnh hưởng sâu sắc toàn diện đến hoạt động SXKD của Công ty: Giá nguyên liệu, nhiên liệu,... luôn tăng và không ổn định;
- Tình hình tiêu thụ thép còn yếu, cầu trong nước không cao. Ngành thép bị dư thừa cung, tình hình sản xuất của các doanh nghiệp thép ở năm 2013-2014 là cầm chừng, giảm công suất để hạn chế hàng tồn kho.
- Phải đối mặt với việc bán phá giá thép từ các doanh nghiệp sản xuất thép ở Trung Quốc.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

Vị thế công ty trong ngành:

Ngành thép phải đối mặt với nhiều thách thức khó khăn trong các năm tới hơn là triển vọng phát triển. Xuất phát từ nhu cầu thị trường trong nước không quá cao, giá thép từ Trung Quốc lại cạnh tranh hơn và phôi thép vẫn phải nhập từ Trung Quốc nên các doanh nghiệp sản xuất thép ở Việt Nam ít có cơ hội phát triển nếu không có sự hỗ trợ từ nhà nước.

Triển vọng phát triển của ngành:

Tình hình kinh tế khó khăn, dây chuyền sản xuất không đồng bộ, các vấn đề vướng mắc về đất đai chưa được giải quyết là những lý do dẫn tới Công ty có ít triển vọng phát triển.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới:

Hiện tại, Công ty không còn tiến hành sản xuất kinh doanh. Vì vậy, chúng tôi không xét đến vị thế của Công ty trong ngành.

9. Chính sách đối với người lao động:

9.1. Cơ cấu lao động trong công ty tại thời điểm 31/12/2014

TT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Phân theo trình độ lao động		
	Trên Đại học và Đại học	9	81,8%
	Trung cấp và PTTH	2	18,2%
2	Phân theo đối tượng lao động		
	Lao động trực tiếp	0	0,0%
	Lao động gián tiếp	11	100,0%
	Tổng cộng	11	100,0%

(Nguồn: Công ty cổ phần Thép và Cơ khí VLXD Hải Phòng)

9.2. Chính sách đối với người lao động:

Chính sách đối với người lao động được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể của Công ty như: Hợp đồng lao động, quyền lợi của người lao động, việc làm và đảm bảo việc làm, quyền hạn và trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, quy định chế độ đào tạo, chính sách lương, thưởng, kỷ luật.

10. Chính sách cổ tức:

Công ty chưa chia cổ tức cho cổ đông do Công ty không có lợi nhuận, thua lỗ nhiều năm.

11. Tình hình tài chính:

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0203001771 do Sở KH&ĐT thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2005, Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng là **69.500.000.000** đồng (Sáu mươi chín tỷ năm trăm triệu đồng) tương ứng 6.950.000 cổ phần và mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

11.1.1. Tình hình trích khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được áp dụng theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao được Công ty ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 07-20 năm
- Máy móc thiết bị 07 năm
- Phương tiện vận tải 07 năm

- Thiết bị dụng cụ quản lý

03-05 năm

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2014

Đơn vị: VNĐ

TT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	43.135.059.016	39.077.596.021	4.057.462.995
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	12.647.676.393	8.590.213.398	4.057.462.995
2	Máy móc, thiết bị	29.923.793.433	29.923.793.433	-
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	563.589.190	563.589.190	-
4	Thiết bị DCQL	-	-	-
II	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
III	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	478.737.000
	Tổng cộng	43.135.059.016	39.077.596.021	4.536.199.995

(Nguồn: BCTC 2014 kiểm toán - Công ty cổ phần Thép và Cơ khí VLXD Hải Phòng)

11.1.2. Mức lương bình quân:

Mức thu nhập bình quân của CBCNV trong Công ty luôn được điều chỉnh để đảm bảo đời sống cho CBCNV đồng thời thu hút nhân tài cho Công ty và gắn kết lâu dài với Công ty.

Đơn vị: đồng/người/tháng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Thu nhập bình quân	3.532.000	3.702.000	3.700.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Thép và Cơ khí VLXD Hải Phòng)

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ của Công ty.

11.1.4. Các khoản phải nộp theo quy định tại thời điểm 31/12/2014:

Công ty chưa hoàn thành việc đóng tiền thuế đất theo quy định

Đơn vị: VND

TT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Tiền thuê đất năm 2011	1.267.356.000	1.267.356.000
2	Tiền thuê đất năm 2012	1.920.049.000	1.920.049.000
3	Tiền thuê đất năm 2013	1.916.927.029	1.916.927.029
4	Tiền thuê đất năm 2014	1.457.515.839	-
5	Thuế đất phi nông nghiệp 2012-2014	97.452.487	76.802.000
6	Thuế TNCN	-	530.900
7	Thuế GTGT	37.457.414	27.351.238
	Tổng cộng	6.696.757.769	5.209.016.167

(Nguồn: BCTC 2014 kiểm toán - Công ty cổ phần Thép và Cơ khí VLXD Hải Phòng)

11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định:

Các quỹ khác trích từ lợi nhuận do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định như: quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tình hình sử dụng và trích lập các quỹ 03 năm gần đây:

Đơn vị: VND

Nội dung trích lập	2012	2013	2014
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.436.000	2.436.000	2.436.000
Tỷ lệ cổ tức/VDL	-	-	-

(Nguồn: BCTC 2014 kiểm toán - Công ty cổ phần Thép và Cơ khí VLXD Hải Phòng)

11.1.6. Tổng dư nợ vay của Công ty:

Tại thời điểm 31/12/2014, tình hình nợ vay của Công ty như sau:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu		31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
I.	Nợ ngắn hạn	12.400.956.283	12.767.809.206	9.212.149.640
1	Vay và nợ ngắn hạn	4.479.908.739	2.693.731.369	-
2	Phải trả người bán	1.011.376.882	1.011.376.882	956.375.962
3	Người mua trả tiền trước	-	-	-
4	Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	3.187.405.000	5.209.016.167	6.696.757.769
5	Phải trả người lao động	315.492.245	380.383.805	146.088.805
6	Chi phí phải trả	569.709.890	629.607.836	1.380.575.676
7	Các khoản phải trả phải nộp khác	2.834.627.527	2.841.257.147	29.915.428
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.436.000	2.436.000	2.436.000
II.	Nợ dài hạn	-	-	-
Tổng cộng		12.400.956.283	12.767.809.206	9.212.149.640

(Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Thép và Cơ khí VLXD Hải Phòng)

11.1.7. Tình hình công nợ hiện nay:

Công ty còn nợ Quỹ Hỗ trợ sản xuất và Phát triển doanh nghiệp là 1.443.330.566 đồng lãi chậm trả tiền bán cổ phần nhà nước tạm tính đến 31/12/2014.

Các khoản phải thu

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
Phải thu của khách hàng	1.492.706.000	1.553.573.400	1.605.896.990
Trả trước cho người bán	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Các khoản phải thu khác	2.763.039.359	5.136.668.796	19.267.266
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.357.612.400)	(1.419.950.000)	(1.492.706.000)
Tổng cộng	2.903.132.959	5.275.292.196	137.458.256

(Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Thép và Cơ khí VLXD Hải Phòng)

Các khoản phải thu của Công ty có chiều hướng giảm dần trong các năm qua. Đặc biệt giảm mạnh trong năm 2014, còn 137.458.256 đồng do sự sụt giảm mạnh của khoản mục

các khoản phải thu khác.

Các khoản phải trả

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu		31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
I.	Nợ ngắn hạn	12.400.956.283	12.767.809.206	9.212.149.640
1	Vay và nợ ngắn hạn	4.479.908.739	2.693.731.369	-
2	Phải trả người bán	1.011.376.882	1.011.376.882	956.375.962
3	Người mua trả tiền trước	-	-	-
4	Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	3.187.405.000	5.209.016.167	6.696.757.769
5	Phải trả người lao động	315.492.245	380.383.805	146.088.805
6	Chi phí phải trả	569.709.890	629.607.836	1.380.575.676
7	Các khoản phải trả phải nộp khác	2.834.627.527	2.841.257.147	29.915.428
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.436.000	2.436.000	2.436.000
II.	Nợ dài hạn	-	-	-
Tổng cộng		12.400.956.283	12.767.809.206	9.212.149.640

(Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Thép và Cơ khí VLXD Hải Phòng)

Các khoản vay và nợ ngắn hạn ngày càng chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng các khoản phải trả, đến thời điểm 31/12/2014, Công ty không còn ghi nhận bất cứ một khoản vay và nợ ngắn hạn nào. Chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nợ sau khi vay và nợ ngắn hạn ngày càng giảm là khoản mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và các khoản phải trả, phải nộp khác; trung bình tổng cả 2 khoản mục này chiếm gần 50% tỷ trọng nợ trong giai đoạn 2012-2013, và chiếm tới 73% trong năm 2014. Tuy nhiên đến năm 2014 thì các khoản phải trả, phải nộp khác giảm xuống rất thấp, chủ yếu là khoản mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước chiếm phần lớn trong tỷ trọng nợ.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU	Đvt	2013	2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1. Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,42	0,61	Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty trong 2 năm gần đây là rất thấp, năm 2013 là 0,42 và năm 2014 là 0,61. Qua đó thấy được Công ty hiện đang mất khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và việc phá sản do không thanh toán được các khoản nợ là rất dễ xảy ra.
2. Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,42	0,60	
2. Chỉ số về cơ cấu vốn				
1. Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	24,09%	17,56%	Nợ của công ty chiếm tỷ trọng nhỏ so với tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu
2. Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	31,74%	21,30%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1. Vòng quay hàng tồn kho	Lần	0,00	15,20	Vòng quay hàng tồn kho đều thấp và giảm sút qua các năm. Đặc biệt, từ năm 2012 sau khi bán hết hàng tồn kho, Công ty không còn ghi nhận bất kỳ khoản doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh nào. Tuy nhiên đến 2014 xuất hiện khoản Doanh thu từ bán hàng hóa nên chỉ tiêu Doanh thu thuần/ Tổng tài sản được cải thiện
2. Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	0,00	0,02	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1. Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-	281,58%	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty không có lãi và lỗ lũy kế qua nhiều năm dẫn đến các chỉ tiêu về khả năng sinh lời bị âm. Tuy nhiên đến năm 2014 do xuất hiện doanh thu từ bán hàng hóa nên các chỉ tiêu này được cải thiện sang hệ số dương.
2. Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-1,40%	7,02%	
3. Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-1,06%	5,78%	
4. Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	-	371,93%	

(Nguồn: Công ty cổ phần Thép và Cơ khí VLXD Hải Phòng)

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

❖ Bà Lê Minh Tuyết - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên	Lê Minh Tuyết
Ngày tháng năm sinh	03/02/1975

Số CMND	011706007
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thanh Hóa
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Số cổ phần nắm giữ	3.544.500 cổ phần
Cá nhân	Không
Đại diện sở hữu vốn nhà nước	3.544.500 cổ phần
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không
Những người có liên quan (vợ, chồng, con cái, bố mẹ, anh chị em ruột, nuôi) có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	Không

❖ Ông Nguyễn Văn Bình – Ủy viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Công ty

Họ và tên	Nguyễn Văn Bình
Ngày tháng năm sinh	18/04/1957
Số CMND	030992208
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hải Dương
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Đại học

Chức vụ đang nắm giữ	Ủy viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Công ty
Số cổ phần nắm giữ	
Đại diện sở hữu cổ phần của Công ty CP Thép Việt Nhật	678.700 cổ phần (tương ứng 9,87%)
Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không
Những người có liên quan (vợ, chồng, con cái, bố mẹ, anh chị em ruột, nuôi) có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	Không

❖ Ông Nguyễn Minh Đức – Thành viên HĐQT

Họ và tên	Nguyễn Minh Đức
Ngày tháng năm sinh	04/09/1984
Số CMND	013157151
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hải Dương
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên HĐQT
Số cổ phần nắm giữ	2.649.500 cổ phần
Cá nhân	Không
Đại diện sở hữu vốn nhà nước	2.649.500 cổ phần
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không

Các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không
Những người có liên quan (vợ, chồng, con cái, bố mẹ, anh chị em ruột, nuôi) có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	Không

12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

❖ Bà Hoàng Thị Thoa - Trưởng Ban Kiểm soát, kiêm Giám đốc Hành chính - Tổng hợp

Họ và tên	Hoàng Thị Thoa
Ngày tháng năm sinh	08/06/1961
Số CMND	030775070
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thái Bình
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Đại học
Chức vụ đang nắm giữ	Trưởng Ban Kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ	0
Cá nhân	0
Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không
Những người có liên quan (vợ, chồng, con cái, bố mẹ, anh chị em ruột, nuôi) có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	Không

❖ Ông Đặng Việt Bách – Ủy viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Đặng Việt Bách
Ngày tháng năm sinh	06/04/1978
Số CMND	031022319
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hải Phòng
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên ban kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ	0
Cá nhân	0
Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không
Những người có liên quan (vợ, chồng, con cái, bố mẹ, anh chị em ruột, nuôi) có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	Không

❖ Ông Nguyễn Trung Hiếu - Ủy viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Nguyễn Trung Hiếu
Ngày tháng năm sinh	09/10/1982
Số CMND	030775070
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hải Phòng
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ

Chức vụ đang nắm giữ	Ủy viên Ban Kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ	0
Cá nhân	0
Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không
Những người có liên quan (vợ, chồng, con cái, bố mẹ, anh chị em ruột, nuôi) có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	Không

12.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc:

❖ Ông Nguyễn Văn Bình – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Xem phần 11.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

12.4. Kế toán trưởng:

❖ Bà Nguyễn Thị Hoa – Phụ trách Tài chính – Kế toán

Họ và tên	Nguyễn Thị Hoa
Ngày tháng năm sinh	24/01/1964
Số CMND	030900402
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hải Phòng
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Đại học
Chức vụ đang nắm giữ	Phụ trách Tài chính – Kế toán
Số cổ phần nắm giữ	0

Cá nhân	0
Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0
Hành vi vi phạm Pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không
Những người có liên quan (vợ, chồng, con cái, bố mẹ, anh chị em ruột, nuôi) có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	Không

13. Tài sản:

Đất đai doanh nghiệp đang sở hữu hoặc đi thuê tại thời điểm 31/12/2014:

Tại thời điểm 30/06/2014, Công ty đang sử dụng lô đất 17.745,5 m² tại số 118 đường Hà Nội, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, với mục đích xây dựng trụ sở làm việc, xây nhà máy sản xuất thép hình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Hải Phòng cấp. Hiện tại doanh nghiệp đang trả tiền thuê đất hàng năm theo hợp đồng thuê đất số 62/HĐ/TĐ ngày 30/11/2005 được ký kết giữa UBND thành phố Hải Phòng và Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu xây dựng Hải Phòng với thời hạn thuê là 25 năm kể từ ngày 12/08/2002 đến ngày 12/08/2027.

Ngày 9/3/2009, UBND thành phố Hải Phòng đã có quyết định số 370/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 và ban hành quy định quản lý kiến trúc Khu đô thị xi măng Hải Phòng, theo đó toàn bộ diện tích đất của Công ty nằm trong quy hoạch Khu đô thị xi măng Hải Phòng.

Ngày 01/02/2010, UBND thành phố Hải Phòng đã có thông báo số 28/TB-UBND về việc thu hồi đất tại phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị xi măng Hải Phòng.

Ngày 11/10/2010, UBND Quận Hồng Bàng đã có quyết định số 1503/QĐ-UBND về việc kiện toàn Ban chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Khu đô thị xi măng Hải Phòng tại phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng.

Ngày 12/10/2010, UBND Quận Hồng Bàng đã có quyết định số 1509/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ kiểm kê số 1, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Khu đô thị xi măng Hải Phòng do Công ty cổ phần đô thị xi măng Hải Phòng làm chủ đầu tư tại phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng. Đồng thời gửi “Bản tự kê khai” về đất đai, vật kiến trúc và các tài sản khác trên đất của tổ chức có đất bị thu hồi tại phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng.

Tuy nhiên, tính đến ngày 10/08/2011, Công ty chưa được tiến hành kiểm kê tài sản và chưa nhận

được phương án đền bù theo kế hoạch của ban quản lý dự án khu đô thị Xi măng Hải Phòng theo quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 do Công ty có công văn xin hoãn kiểm kê do tài sản nằm trên đất đang bị niêm phong theo Quyết định Thi hành án số 11/QĐ/THA ngày 20/10/2010 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. (Nguồn: Theo Thông báo số 1310/STC-TCDN, ngày 10/08/2011 của Sở Tài chính thành phố Hải Phòng gửi SCIC về việc cung cấp thông tin liên quan đến khu đất 118, đường Hà Nội, quận Hồng Bàng, Hải phòng của Công ty CP Thép và Cơ khí Vật liệu xây dựng Hải Phòng và Biên bản họp ngày 05/08/2011 của Sở tài chính Hải Phòng và các sở ban ngành về việc cung cấp thông tin về tình hình pháp lý, tiến độ thực tế của việc quy hoạch, thu hồi và đền bù đối với khu đất tại 118, đường Hà Nội, quận Hồng Bàng, Hải phòng của Công ty CP Thép và Cơ khí Vật liệu xây dựng Hải Phòng).

Ngày 10/01/2012, Công ty đã gửi Công văn số 02/CV-HASCOM đến Trung tâm phát triển quỹ đất Quận Hồng Bàng – TP Hải Phòng để phúc đáp thông báo số 51/CV-TTPTQĐ ngày 30/12/2011 về việc “cung cấp hồ sơ liên quan đến dự án xây dựng khu đô thị Xi măng Hải Phòng” với 2 nội dung chính như sau:

- Công ty đã làm việc với đối tác nước ngoài để xây dựng dự án khu đô thị Xi măng theo quy hoạch của Thành phố.
- Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã nhất trí thông qua và Công ty đã có văn bản trình UBND thành phố xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất và được thực hiện dự án theo đúng quy hoạch của Thành phố.

Ngày 3/7/2015, UBND Quận Hồng Bàng đã có thông báo số 199/TB-UBND về việc khảo sát, đo đạc, kiểm điểm thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị Xi măng Hải Phòng tại phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng.

Ngày 7/7/2015, UBND Quận Hồng Bàng đã có công văn số 587/UBND-PTQĐ gửi Công ty cổ phần Thép và Cơ khí vật liệu xây dựng Hải Phòng yêu cầu Công ty cung cấp hồ sơ, tài liệu làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng Khu đô thị Xi măng.

Ngày 21/7/2015 Phó chủ tịch UBND quận Hồng Bàng đã có kết luận tại cuộc họp thông báo việc khảo sát, đo đạc, kiểm điểm thực hiện dự án Khu đô thị Xi măng Hải Phòng.

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo:

Việc sản xuất kinh doanh thua lỗ trong nhiều năm. Hiện nay lỗ lũy kế của công ty đang là (26.242.400.266) đồng nên Công ty không có kế hoạch chia cổ tức và lợi nhuận

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam nhận định rằng trong thời gian sắp tới, Công ty không có nguồn thu nào từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính, cho thuê kho bãi và thu nhập khác là không đáng kể trong khi chi phí vẫn giữ nguyên, số lỗ lũy kế sẽ tiếp tục tăng lên, do vậy công ty sẽ tiếp tục thua lỗ và

không thể chia cổ tức.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức có cổ phiếu được chào bán: Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán: Không có.

18. Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán:

Trong báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH Nhân Tâm Việt có ghi rõ:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 31/12/2014, do đó chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm đầu năm và cuối năm. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về số lượng hàng tồn kho, nguyên giá tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2013 và 31/12/2014, với giá trị hàng tồn kho được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán lần lượt là 1.749.006.124 đồng và 1.746.551.532 đồng, với nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán là 43.135.059.016 đồng.

Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu nhập được thư xác nhận công nợ đối với khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2014. Tổng giá trị của các khoản công nợ không nhận được thư xác nhận và không thể kiểm tra bằng các thủ tục kiểm tra thay thế của các khoản công nợ phải trả là 956.375.962 đồng, tương ứng tỷ lệ 100%.

Khoản chi phí sửa chữa dây chuyền cán thép hình với Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và môi trường hiện đang theo dõi trên tài khoản Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, số tiền 478.737.000 đồng đã phát sinh và tạm dừng từ năm 2005, tuy nhiên Công ty chưa thực hiện các thủ tục quyết toán Công trình này.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh 07 trong Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính trong đó số thuế còn phải nộp nhà nước là 5.634.290.985 đồng, bao gồm 3.030.154.000 đồng tiền thuế đất là số tiền đơn vị đã có Biên bản làm việc ngày 20/03/2014 với Chi cục thuế Hồng Bàng về việc xin miễn giảm, đồng thời Cục thuế Hải Phòng đã trả lời bằng Công văn số 691/CT-QLTTĐ ngày 18/04/2014 về việc bổ sung hồ sơ liên qua để xét miễn giảm.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 26 trong Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính về thông tin hoạt động liên tục. Theo đó, Công ty ngừng sản xuất và bị thua lỗ nhiều năm liên tục, hoạt động sản xuất chính của Công ty bị gián đoạn do đầu tư hệ thống máy

móc không hiệu quả. Nguồn vốn để duy trì hoạt động của Công ty chủ yếu dựa vào lãi được chia từ hoạt động liên doanh. Theo Biên bản họp hội đồng quản trị số 04/BB-HĐQT ngày 31/05/2014 thì trong thời gian tới Công ty sẽ tổ chức thanh lý toàn bộ máy móc thiết bị để thu hồi vốn và thanh toán công nợ. Những vấn đề này cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty là không chắc chắn. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên giả định Công ty vẫn hoạt động liên tục.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

- | | |
|---|----------------------|
| 1. Loại cổ phiếu: | Cổ phiếu phổ thông |
| 2. Mệnh giá: | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 3. Tổng số cổ phiếu dự chào bán: | 6.194.000 cổ phiếu |
| 4. Giá khởi điểm: | 6.300 đồng/cổ phiếu |

5. Phương thức phân phối:

Bán đấu giá công khai cả lô cổ phần ra công chúng qua Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Theo đó, nhà đầu tư phải đăng ký mua toàn bộ số cổ phần chào bán (6.194.000 đồng). Nhà đầu tư trả giá cao nhất sẽ được mua toàn bộ lô cổ phần, trường hợp có từ 2 nhà đầu tư trở lên trả giá cao nhất bằng nhau thì sẽ lựa chọn nhà đầu tư được mua lô cổ phần theo Quy chế chào giá cạnh tranh do Sở GDCK Hà Nội ban hành.

- 6. Thời gian phân phối cổ phiếu:** Theo quy chế đấu giá do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành và các quy định có liên quan của pháp luật, dự kiến trong Quý III,IV/2015.

7. Đăng ký mua cổ phiếu:

Theo quy chế bán đấu giá cổ phần của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng.

8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty. Hiện nay, cá nhân và tổ chức nước ngoài không nắm giữ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng. Do đó cá nhân và tổ chức nước ngoài không được tham gia đối với đợt chào bán này.

9. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: Không có.

10. Các loại thuế có liên quan:

- Thuế thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phần hiện đang áp dụng theo thông tư số 78/2014/TT-BTC, thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ được xác định bằng

giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua chứng khoán chuyển nhượng, trừ (-) các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

- Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Mục đích của việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương của SCIC tại doanh nghiệp mà SCIC không cần giữ cổ phiếu.

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT THOÁI VỐN

1. Tổ chức thực hiện chào bán:

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

Địa điểm: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3 8240703

Fax: (84-4) 6 2780136

2. Tổ chức có cổ phiếu được chào bán:

Công ty cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng

Trụ sở chính: Số 118 đường Hà Nội, phường Thượng Lý, Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Điện thoại: 0313 824 154

Fax: 0313 525 143

3. Tổ chức tư vấn:

Công ty Cổ phần chứng khoán Đầu tư Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội

Điện thoại: (84-04) 3573 0073

Fax: (84-04) 3573 0088

4. Công ty TNHH kiểm toán Nhân tâm Việt (NTV)

Địa chỉ: Phòng 804 Tòa nhà 187, 187 Nguyễn Lương Bằng, Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-04) 3761 3399

Fax: (84-04) 3761 5599

IX. BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC NÀY

Công ty Cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty.

Báo cáo tài chính thời điểm 31/12/2012, 31/12/2013 và 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng là báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn Kế toán An Phát và công ty TNHH Kiểm Toán Nhân Tâm Việt (NTV).

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin và Quy chế đấu giá trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá. Các nhà đầu tư tham dự đấu giá có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước không có trách nhiệm trong trường hợp Công ty Cổ phần Thép và Cơ khí Vật liệu Xây dựng Hải Phòng cung cấp thông tin không chính xác và không trung thực.

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2015

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC



Bà: Như Thị Hồng Liên

Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VÀ CƠ KHÍ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HẢI PHÒNG



Ông: Nguyễn Văn Bình

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM



Ông: Đoàn Ngọc Hoàn

Tổng Giám đốc